

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/09/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		621.522.248.640	643.672.259.618
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	11.387.205.917	17.640.559.190
111	1. Tiền		6.832.205.917	8.825.559.190
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.555.000.000	8.815.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	895.400.000	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		895.400.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		187.278.840.279	168.482.070.706
131	1. Phải thu của khách hàng		114.977.368.798	114.920.646.668
132	2. Trả trước cho người bán		37.242.384.557	16.272.940.869
135	5. Các khoản phải thu khác	5	35.498.165.924	37.727.562.169
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(439.079.000)	(439.079.000)
140	IV. Hàng tồn kho	6	362.477.114.444	408.394.518.151
141	1. Hàng tồn kho		362.477.114.444	408.394.518.151
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		59.483.688.000	49.155.111.571
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	63.920.000
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		27.897.547	2.069.658.907
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	59.455.790.453	47.021.532.664
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		17.815.602.268	24.715.976.796
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		450.489.000	450.489.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		450.489.000	450.489.000
220	II. Tài sản cố định		6.892.636.072	8.704.640.138
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	2.032.581.756	3.844.585.822
222	- Nguyên giá		6.437.388.914	13.715.831.750
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.404.807.158)	(9.871.245.928)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	4.860.054.316	4.860.054.316
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	9.415.759.195	12.610.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		1.805.759.195	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác		7.610.000.000	12.610.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.056.718.001	2.950.847.658
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.056.718.001	2.285.667.273
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	654.180.385
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	11.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>639.337.850.908</u>	<u>668.388.236.414</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 30 tháng 09 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		484.822.267.533	487.500.375.921
310	I. Nợ ngắn hạn		484.281.289.256	486.871.803.056
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	147.255.569.500	82.134.106.100
312	2. Phải trả người bán		96.961.958.878	130.565.570.640
313	3. Người mua trả tiền trước		53.943.086.105	55.035.892.906
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.833.094.801	10.508.422.145
315	5. Phải trả người lao động		533.150.158	-
316	6. Chi phí phải trả	14	12.382.509.273	15.429.563.250
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	167.157.799.760	191.381.285.240
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	951.505.740
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.214.120.781	865.457.035
330	II. Nợ dài hạn		540.978.277	628.572.865
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		540.978.277	628.572.865
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		144.977.251.731	167.409.166.787
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	144.977.251.731	167.409.166.787
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		99.999.440.000	99.999.440.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		30.726.479.865	9.615.503.784
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		8.739.874.069	6.126.633.418
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.511.457.797	51.667.589.585
439	C. LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỎ		9.538.331.644	13.478.693.706
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		639.337.850.908	668.388.236.414

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/09/2012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/09/2012	01/01/2012
----------	-------------	------------	------------

5. Ngoại tệ các loại
- Đồng Euro (EUR)

92,53

92,44

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



Lê Thị Lan
Kế toán trưởng

Phan Tường Sơn
Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 11 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/09/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III năm 2012		Quý III năm 2011		Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012		Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011	
			VND		VND		VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	97.092.877.420		235.736.715.607		287.920.867.062		519.926.289.209	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	-		-		1.015.210.114		55.388.416	
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	97.092.877.420		235.736.715.607		286.905.656.948		519.870.900.793	
11	4. Giá vốn hàng bán	20	91.031.422.210		203.650.661.872		261.874.578.389		451.509.862.362	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.061.455.210		32.086.053.735		25.031.078.559		68.361.038.431	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		4.782.371.939		998.524.510		20.444.475.090		3.219.055.473	
22	7. Chi phí tài chính		4.486.270.143		-		17.225.898.763		500.000.000	
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		3.999.844.401		8.264.192.996		20.311.237.565		24.349.953.548	
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		2.357.712.605		24.820.385.249		7.938.417.321		46.730.140.356	
31	11. Thu nhập khác		134.476.000		12.000.000		1.085.991.740		290.471.850	
32	12. Chi phí khác		-		-		52.066.142		110.298.545	
40	13. Lợi nhuận khác		134.476.000		12.000.000		1.033.925.598		180.173.305	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3
Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/09/2012

50	15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.492.188.605	24.832.385.249	8.972.342.919	46.910.313.661
51	16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	571.574.389	1.698.443.702	11.516.123.385
52	17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(135.289.657)	(8.260.093)	-	272.013.462
		Lợi nhuận phải chia cho đối tác	29.217.357	659.282.292	73.040.126	1.073.202.041
60	18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.026.686.516	17.840.699.047	7.200.859.091	34.048.974.773
61	18.1.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	240.579.204	140.122.577	624.455.526	302.306.054
62	18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	1.786.107.312	17.700.576.470	6.576.403.565	33.746.668.719
70	19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	179	1.770	658	3.375



Handwritten signature/initials

Lê Thị Lan
Kế toán trưởng

Phan Trường Sơn
Giám đốc
Lập, ngày 08 tháng 11 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT(Theo phương pháp trực tiếp)
Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		341.050.428.984	659.129.442.554
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(349.042.448.200)	(473.505.187.604)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(42.468.844.193)	(58.699.931.317)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(15.730.896.146)	(19.545.186.661)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(6.876.853.882)	(12.340.837.393)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		71.900.950	22.782.621.635
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.721.882.690)	(37.893.704.053)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(84.718.595.177)	79.927.217.101
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(112.709.091)	(311.712.730)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		12.715.400.000	(168.450.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		500.000.000	166.550.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(28.780.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.480.000.000	19.100.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.859.339.169	2.019.483.473
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		26.011.230.078	(9.872.229.257)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	18.000.000.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		168.861.359.000	215.852.959.300
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(92.012.893.800)	(283.522.103.400)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(24.394.453.374)	(18.411.238.822)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		52.454.011.826	(68.080.382.922)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(6.253.353.273)	1.974.604.922
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		17.640.559.190	23.600.173.289
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		11.387.205.917	25.574.778.211

(Signature)

Lê Thị Lan
Kế toán trưởngPhan Trường Sơn
Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 11 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012

1. THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà Hà Đông, được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ-UB ngày 01/10/1995 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tây và được đổi tên thành Công ty Xây dựng Đầu tư Phát triển đô thị số 3 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo Quyết định số 1151/QĐ-BXD ngày 18/08/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1182/QĐ-BXD ngày 22/07/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0303000209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội), đăng ký lần đầu ngày 20/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 10 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 99.999.440.000 đồng; tương đương 9.999.944 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty tại Miền Nam	P603 Tòa nhà 159, Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Các đội xây dựng	Tại trụ sở Công ty

Công ty có các công ty con sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty CP Xây lắp và Phát triển Nhà HUD3.2	Số nhà 15, Lô 11, Khu đô thị mới XaLa, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Công ty CP Xây lắp và Phát triển Nhà HUD3.3	Số nhà 01, Lô 14, Khu đô thị mới XaLa, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Công ty có công ty liên kết sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	B4-TT13, Khu đô thị mới Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 10.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị và công nghiệp. Xây dựng các công trình công cộng, công viên sinh vật cảnh. Xây dựng các công trình văn hóa thể thao, du lịch, tu bổ tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa xã hội;
- Lắp đặt điện nước, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình;
- Lập, quản lý các dự án đầu tư xây dựng;
- Trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi Nhà nước cho phép);
- Sản xuất vỏ bao xi măng;
- Đầu tư phát triển các khu du lịch sinh thái;
- Sản xuất kinh doanh đồ gỗ dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp;
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp./.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 09 năm 2012. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nằm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Phương tiện vận tải	05 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, (hoặc theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành / hoặc theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của Hợp đồng).

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản, người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi phí thực tế phát sinh sẽ được ghi giảm vào tài khoản phải trả này.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản thuế***Thuế hiện hành***

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác***Hợp đồng ủy thác đầu tư***

Các tài sản đầu tư và vốn ủy thác nhận được từ các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác đầu tư được ghi nhận và trình bày là các khoản phải thu và các khoản phải trả cho người ủy thác đầu tư trên Bảng cân đối kế toán của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/09/2012**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/09/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	3.530.944.826	6.659.491.235
Tiền gửi ngân hàng	3.301.261.091	2.166.067.955
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn)	4.555.000.000	8.815.000.000
	11.387.205.917	17.640.559.190

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/09/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay ngắn hạn)	895.400.000	-
	895.400.000	-

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu về tiền ủy thác của nhà đầu tư	32.483.000.000	32.483.000.000
Phải thu về chi phí Ban điều hành Dự án Bắc Ninh	773.754.282	763.877.234
Phải thu về các đội xây lắp	-	2.290.276.150
Phải thu khác	2.241.411.642	2.190.408.785
	35.498.165.924	37.727.562.169

6 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	362.477.114.444	408.394.518.151
Cộng giá gốc hàng tồn kho	362.477.114.444	408.394.518.151

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	59.455.790.453	47.021.532.664
	59.455.790.453	47.021.532.664

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/09/2012

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	6.498.015.780	5.988.128.209	1.229.687.761	13.715.831.750
Số tăng trong kỳ	-	-	112.709.091	112.709.091
- Mua sắm mới	-	-	112.709.091	112.709.091
Số giảm trong kỳ	(6.309.033.961)	(880.420.000)	(201.697.966)	(7.391.151.927)
- Giảm khác (*)	(6.309.033.961)	(880.420.000)	(201.697.966)	(7.391.151.927)
Số dư cuối kỳ	188.981.819	5.107.708.209	1.140.698.886	6.437.388.914
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	5.956.710.627	2.970.458.889	944.076.412	9.871.245.928
Số tăng trong kỳ	42.322.729	422.709.363	102.852.453	567.884.545
- Trích khấu hao	42.322.729	422.709.363	102.852.453	567.884.545
Số giảm trong kỳ	(5.907.695.777)	-	(126.627.538)	(6.034.323.315)
- Giảm khác (*)	(5.907.695.777)	-	(126.627.538)	(6.034.323.315)
Số dư cuối kỳ	91.337.579	3.393.168.252	920.301.327	4.404.807.158
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu kỳ	541.305.153	3.017.669.320	285.611.349	3.844.585.822
Số dư cuối kỳ	97.644.240	1.714.539.957	220.397.559	2.032.581.756

(*) Giảm khác do tại thời điểm 30/09/2012, Khoản đầu tư vào công ty con là Công ty CP Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1 được chuyển thành Công ty liên kết, do đó số liệu trên báo cáo Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1 không được hợp nhất vào số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/09/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4.860.054.316	4.860.054.316
- Dự án 123 Tô Hiệu	4.163.437.500	4.163.437.500
- Dự án T1 - T10 CT18 Việt Hưng	696.616.816	696.616.816
	4.860.054.316	4.860.054.316

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/09/2012**10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/09/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	1.805.759.195	-
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	1.805.759.195	-
Đầu tư dài hạn khác	7.610.000.000	12.610.000.000
	9.415.759.195	12.610.000.000

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/09/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	TP Hà Nội	20,00%	20,00%	Xây lắp

Theo kết quả bán đấu giá cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1, tại thời điểm 30/09/2012, Công ty tiến hành thoái một phần vốn góp và tỉ lệ kiểm soát tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1 chỉ còn 20%. Theo đó khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1 không được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng HUD3 và sẽ được hạch toán là khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Đầu tư dài hạn khác

	30/09/2012	01/01/2012
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty CP Nikko (1)	2.610.000.000	2.610.000.000
Góp vốn Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD8	-	5.000.000.000
Góp vốn Công ty CP Đầu tư Phát triển Kiến Hưng (2)	5.000.000.000	5.000.000.000
	7.610.000.000	12.610.000.000

- (1) Đầu tư mua cổ phiếu để trở thành cổ đông chiến lược của Công ty Cổ phần Nikko theo hợp đồng đầu tư và hợp tác kinh doanh số 35/HĐĐT\$HTKD ngày 15/06/2007. Số lượng cổ phần hiện đang nắm giữ là 214.200 cổ phần, thời gian hạn chế chuyển nhượng là 3 năm.
- (2) Góp vốn thành lập với vai trò là cổ đông sáng lập, số lượng cổ phần nắm giữ là 500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/09/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí thành lập doanh nghiệp	31.406.255	163.850.273
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	947.185.641	1.030.977.637
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	27.607.605	1.090.839.363
Chi phí trả trước dài hạn khác	50.518.500	-
	1.056.718.001	2.285.667.273

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/09/2012**12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/09/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	147.255.569.500	82.134.106.100
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	86.208.217.200	46.823.348.800
- Các đối tượng khác	61.047.352.300	35.310.757.300
	147.255.569.500	82.134.106.100

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/09/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	3.151.059.444	2.851.867.418
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	616.643.324	6.200.694.022
Thuế Thu nhập cá nhân	65.392.033	1.447.945.003
Các loại thuế khác	-	7.915.702
	3.833.094.801	10.508.422.145

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/09/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí Dự án CT18 Việt Hưng, Hà Nội	11.622.026.572	15.311.563.250
Chi phí phải trả khác	760.482.701	118.000.000
	12.382.509.273	15.429.563.250

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/09/2012

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	113.433.331	118.390.214
Bảo hiểm xã hội	112.308.625	44.210.446
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.046.989.131	1.155.689.131
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.105.406.626	-
Phải trả các đội thi công	100.612.318.013	128.103.175.422
Phải trả tổ chức, cá nhân tiền nhận ủy thác đầu tư	32.483.000.000	32.483.000.000
Phải trả các bên góp vốn đầu tư xây dựng Dự án Kiến Hưng	109.127.636	109.127.636
Phải trả đối tác tiền nộp quỹ xúc tiến đầu tư Dự án Hanel - HUD3	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải trả đối tác tiền góp vốn dự án KĐT Đông Sơn, Thanh Hóa	15.646.500.000	15.646.500.000
Phải trả đối tác tiền lãi thực hiện dự án 123 Tô Hiệu, Hà Đông	2.087.998.265	2.014.958.139
Phải trả tiền thuê chuyển nhượng bất động sản	465.906.560	465.906.560
Phải trả ban an toàn chung Công ty	138.521.141	138.521.141
Phải trả tiền lãi vay vốn	3.476.564.628	2.789.341.628
Phải trả tiền ký quỹ khách hàng mua căn hộ T1-T10 Việt Hưng	687.684.800	687.684.800
Phải trả khác về các dự án	2.232.828.600	4.281.010.600
Phải trả, phải nộp khác	3.839.212.404	343.769.523
	<u>167.157.799.760</u>	<u>191.381.285.240</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/09/2012

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2012	99.999.440.000	-	9.615.503.784	6.126.633.418	51.667.589.585	167.409.166.787
Lãi/nỗ trong kỳ	-	-	-	-	6.649.443.691	6.649.443.691
Trích lập các quỹ	-	-	21.467.350.478	2.693.732.931	(27.928.268.065)	(3.767.184.656)
Chi trả cổ tức kỳ trước	-	-	-	-	(24.999.860.000)	(24.999.860.000)
Tặng khác (1)	-	-	-	-	204.051.823	204.051.823
Lợi nhuận phải chia cho đối tác	-	-	-	-	(73.040.126)	(73.040.126)
Giảm khác (2)	-	-	(356.374.397)	(80.492.280)	(8.459.111)	(445.325.788)
Số dư tại 30/09/2012	99.999.440.000	-	30.726.479.865	8.739.874.069	5.511.457.797	144.977.251.731

(1) Tăng khác do hợp nhất khoản đầu tư vào công ty liên kết Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1 theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

(2) Giảm khác do tại thời điểm 30/09/2012, Khoản đầu tư vào công ty con là Công ty CP Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1 được chuyển thành Công ty liên kết, do đó số liệu trên báo cáo Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1 không được hợp nhất vào số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/09/2012	Tỷ lệ (%)	01/01/2012	Tỷ lệ (%)
	VND		VND	
Vốn góp của Tập đoàn HUD	51.000.000.000	51,00%	51.000.000.000	51,00%
Vốn góp của các Cổ đông khác	48.999.440.000	49,00%	48.999.440.000	49,00%
	99.999.440.000	100%	99.999.440.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/09/2012

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	99.999.440.000	99.999.440.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	99.999.440.000	99.999.440.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	99.999.440.000	99.999.440.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	24.999.860.000	18.411.237.707
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	24.999.860.000	18.411.237.707

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.999.944	9.999.944
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.999.944	9.999.944
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.999.944	9.999.944
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.999.944	9.999.944
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.999.944	9.999.944
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/09/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	30.726.479.865	9.615.503.784
Quỹ dự phòng tài chính	8.739.874.069	6.126.633.418
	39.466.353.934	15.742.137.202

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/09/2012

- 17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ
- 18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU
- 19 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/09/2012

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý III năm 2012 VND	Quý III năm 2011 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 VND
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	24.014.458.143	139.325.565.716	90.975.590.522	305.390.730.852
Doanh thu hợp đồng xây dựng	70.941.861.453	88.948.969.786	185.880.227.271	204.500.000.071
Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị, hàng hóa khác	2.136.557.824	7.462.180.105	11.065.049.269	10.035.558.286
	97.092.877.420	235.736.715.607	287.920.867.062	519.926.289.209

18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Quý III năm 2012 VND	Quý III năm 2011 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 VND
Giảm giá hàng bán	-	-	1.015.210.114	55.388.416
	-	-	1.015.210.114	55.388.416

19 . DOANH THU THUẢN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý III năm 2012 VND	Quý III năm 2011 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bất động sản	24.014.458.143	139.325.565.716	90.975.590.522	305.390.730.852
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	70.941.861.453	88.948.969.786	184.865.017.157	204.444.611.655
Doanh thu thuần cho thuê máy móc thiết bị, hàng hóa khác	2.136.557.824	7.462.180.105	11.065.049.269	10.035.558.286
	97.092.877.420	235.736.715.607	286.905.656.948	519.870.900.793

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/09/2012

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý III năm 2012 VND	Quý III năm 2011 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 VND
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	19.732.709.614	119.165.473.705	75.672.722.173	259.079.082.476
Giá vốn hợp đồng xây dựng	68.699.076.911	84.306.754.836	176.869.424.611	191.713.921.765
Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị, hàng hóa khác	2.599.635.685	178.433.331	9.332.431.605	716.858.121
	91.031.422.210	203.650.661.872	261.874.578.389	451.509.862.362

21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý III năm 2012 VND	Quý III năm 2011 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	571.574.389	6.340.664.003	1.698.443.702	11.516.123.385
	571.574.389	6.340.664.003	1.698.443.702	11.516.123.385
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh				
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(135.289.657)	(8.260.093)	-	272.013.462
	(135.289.657)	(8.260.093)	-	272.013.462

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/09/2012

22 . LẠI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Quý III năm 2012 VND	Quý III năm 2011 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	1.786.107.312	17.700.576.470	6.576.403.565	33.746.668.719
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.786.107.312	17.700.576.470	6.576.403.565	33.746.668.719
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.999.944	9.999.944	9.999.944	9.999.944
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	179	1.770	658	3.375

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/09/2012

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

24 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/09/2011. Đến thời điểm 30/09/2012, Công ty tiến hành thoái một phần vốn góp và tỉ lệ kiểm soát tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1 chỉ còn 20%. Theo đó khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1 không được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng HUD3, Công ty không hồi tố lại số liệu đầu kỳ cũng như số liệu so sánh của kỳ trước.



Lê Thị Lan
Kế toán trưởng



Phan Trường Sơn
Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 11 năm 2012